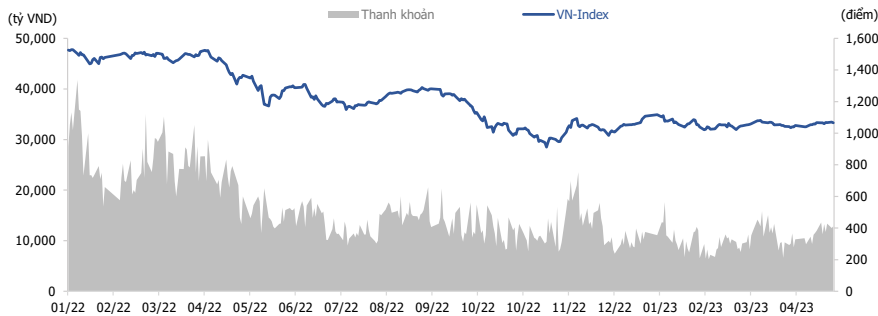


VN-INDEX BẬT TĂNG MẠNH MẼ

BIẾN ĐỘNG CHỈ SỐ VN-INDEX



ĐIỂM NHẤN GIAO DỊCH

▲ VN-Index tăng điểm

VN-Index tăng điểm mạnh và kết phiên với 1,091 điểm, tăng +12.4 điểm (+1.2%).

▲ Thanh khoản tăng

Thanh khoản sàn HSX tăng mạnh lên mức 18,331 tỷ VNĐ (+32.3% DoD), cao hơn trung bình 10 phiên gần nhất (13,992 tỷ VNĐ).

▼ Khối ngoại bán ròng

Các nhà đầu tư nước ngoài bán ròng -223 tỷ VNĐ trên sàn HSX phiên hôm nay, tập trung vào các mã: VPB (-93 tỷ VNĐ), VNM (-72 tỷ VNĐ) và STB (-38 tỷ VNĐ).

▲ Nhóm tăng điểm

Tăng điểm tốt nhất trong nhóm VN100 bao gồm VIB (+7%), TCB (+6.3%) và MBB (+4.8%).

▼ Nhóm giảm điểm

Ở chiều ngược lại các mã BMP (-3.2%), ITA (-2.7%) và CRE (-2.7%) tác động tiêu cực đến VN-Index.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG

VN-Index tăng mạnh. Thị trường bật tăng mạnh ngay từ đầu phiên và duy trì đà tăng này trong cả phiên. Động lực tăng điểm đến từ sự đồng thuận của các nhóm ngành, trong đó phải kể đến nhóm Ngân hàng với mức tăng 2.47%. Thanh khoản thị trường đạt mức cao nhất kể từ đầu năm với hơn 18,000 tỷ VNĐ, tăng 31% so với bình quân 10 phiên gần nhất.

Hành động: VN-Index có phiên tăng mạnh và vượt qua vùng kháng cự 1,080 điểm. Theo quan điểm của TVS, vùng mục tiêu của đợt tăng giá này sẽ nằm trong khoảng 1,080-1,100 điểm. Đây là kháng cự mạnh và chúng tôi cho rằng VN-Index sẽ có sự đảo chiều tại vùng này. Nhà đầu tư đã có sẵn cổ phiếu cần tiếp tục bám sát theo dõi thị trường, có thể thực hiện chốt lời ngắn hạn khi VN-Index đi vào vùng 1,100 điểm. Do thị trường đã tăng mạnh và tiền gần đến kháng cự mạnh, nhà đầu tư không nên mua mới tại thời điểm này mà nên quan sát phản ứng của thị trường quanh vùng 1,100 điểm trước khi ra quyết định giải ngân.

DỰ BÁO XU HƯỚNG CỦA VN-INDEX



TIN TỨC NỔI BẬT

- CPI của khu vực Châu Âu tháng 5/2023 tăng 6.1% so với cùng kỳ, thấp hơn so với dự báo và giảm mạnh so với mức 7% của tháng 4/2023.
- KBC (HSX, giá đóng cửa ngày 02/6: 28,650 VNĐ): Quý 1/2023, KBC ghi nhận doanh thu thuần đạt hơn 2.223 tỷ đồng, gấp 3.2 lần cùng kỳ và là mức cao nhất trong một quý kể từ khi hoạt động. Sau khi trừ chi phí, KBC lãi ròng hơn 1.056 tỷ đồng, gấp đôi so với cùng kỳ và hoàn thành hơn 26% mục tiêu lợi nhuận cả năm.
- NVL (HSX, giá đóng cửa ngày 02/6: 40,700 VNĐ): Trong đợt review quý 2/2023, FTSE Russell không thêm bất kỳ cổ phiếu nào, nhưng loại cổ phiếu NVL ra khỏi rổ chỉ số FTSE Vietnam Index (chỉ số tham chiếu của FTSE ETF).
- OCB (HSX, giá đóng cửa ngày 02/6: 18,450 VNĐ): Trong đợt review quý 2/2023, FTSE Russell cũng loại cổ phiếu OCB của Ngân hàng Phương Đông ra khỏi rổ chỉ số FTSE Vietnam Index (chỉ số tham chiếu của FTSE ETF).

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

	VN-Index	HNX-Index
Giá trị chỉ số	1,091	226
Biến động 1 ngày (%)	1.2%	0.9%
Biến động YTD (%)	8.3%	10.1%
Giá trị giao dịch (tỷ VNĐ)	18,331	1,870
GTGD khớp lệnh (tỷ VNĐ)	16,862	1,795
GTGD thỏa thuận (tỷ VNĐ)	1,469	75
Biến động 1 ngày (%)	32.3%	-16.4%

Biến động ngành (ICB cấp 2)	% 1D	%YTD	% vốn hóa
Bán lẻ	2.9%	-5.1%	1.6%
Ngân hàng	2.4%	9.0%	29.3%
Viễn thông	2.3%	12.9%	1.6%
Dầu khí	1.7%	22.4%	2.5%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.3%	-3.2%	1.2%
VN-Index	1.2%	8.3%	100.0%
Dịch vụ tài chính	1.1%	24.6%	3.6%
Hóa chất	0.8%	8.7%	3.1%
Bảo hiểm	0.7%	-2.5%	1.2%
Tài nguyên Cơ bản	0.7%	14.0%	3.8%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.5%	-10.2%	11.1%
Ô tô và phụ tùng	0.4%	-1.3%	0.2%
Công nghệ Thông tin	0.3%	4.4%	1.9%
Bất động sản	0.2%	1.3%	15.8%
Xây dựng và Vật liệu	0.0%	13.7%	4.0%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.0%	0.0%	7.0%
Du lịch và Giải trí	-0.2%	-10.3%	1.8%
Thực phẩm và đồ uống	-0.4%	-4.5%	8.5%
Y tế	-0.4%	6.9%	0.9%
Truyền thông	-1.0%	19.4%	0.9%

Lãi suất trong nước	%/năm	± đầu năm
Lãi suất qua đêm LNH	3.8%	2.0%
Lãi suất TPCP 5 năm	2.5%	-0.5%

Tỷ giá	% 1D	%YTD
USD/VND	23,665	0.0%
EUR/VND	25,807	-0.4%
JPY/VND	173.4	0.2%
GBP/VND	29,533	0.4%

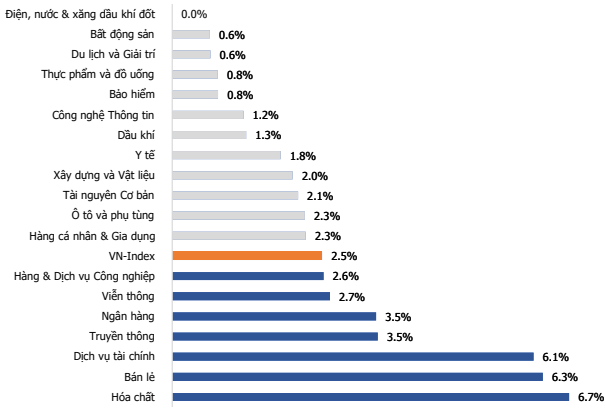
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ

Chỉ số CK quốc tế	% 1D	%YTD
DJI**	33,043	-0.2%
S&P500**	4,206	0.0%
VIX**	18	2.4%
FTSE100**	7,503	-0.3%
DAX**	15,818	-0.6%
CAC40**	7,158	-0.7%
Nikkei	30,888	-1.4%
Shanghai	3,205	-0.6%
Kospi	2,577	-0.3%
Taiwan weighted	16,579	-0.3%

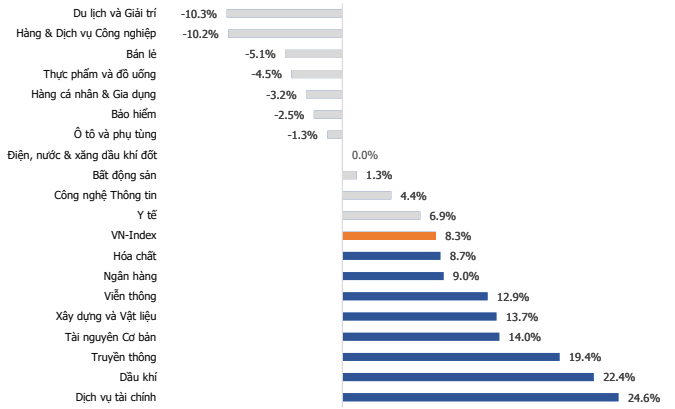
(**) dữ liệu phiên liền trước

Giá hàng hóa	% 1D	%YTD
Giá dầu Brent (USD)	83.08	-2.0%
Giá dầu WTI (USD)	79.34	-1.9%
Giá vàng (USD)	1,970.07	-1.8%
Giá đồng (USD)	4.04	-1.3%

TOP BIẾN ĐỘNG NGÀNH TRONG 1 TUẦN



TOP BIẾN ĐỘNG NGÀNH YTD



TOP BIẾN ĐỘNG NHÓM CỔ PHIẾU VN100

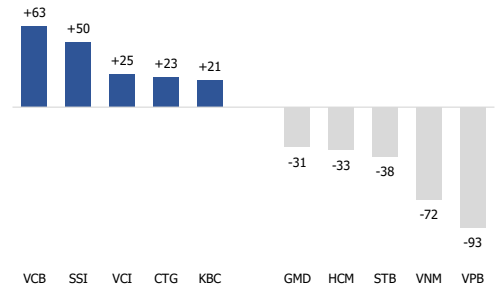
	Ticker	Tên công ty	Ngành	Sàn	Giá cuối ngày (VND)	% ngày	% 1 tuần	% 1 tháng	% YoY	Vốn hóa (tỷ VND)	Giá trị GD (tỷ VND)
Nhóm cổ phiếu biến động tích cực nhất	VIB	VIBBank	Ngân hàng	HSX	23,050	7.0%	9.5%	14.1%	-12.4%	48,600	489
	TCB	Techcombank	Ngân hàng	HSX	32,200	6.3%	7.7%	10.8%	-11.5%	113,286	681
	VCG	VINACONEX	Xây dựng và Vật liệu	HSX	21,700	4.1%	4.6%	12.4%	-18.4%	10,546	368
	CII	Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	Xây dựng và Vật liệu	HSX	18,200	4.0%	5.2%	25.1%	-15.7%	4,590	199
	MWG	Thể giới di động	Bán lẻ	HSX	40,800	3.8%	6.8%	7.7%	-72.4%	59,681	245
Nhóm cổ phiếu biến động tiêu cực nhất	SAM	SAM Holdings	Công nghệ Thông tin	HSX	7,160	-1.9%	4.2%	17.6%	-37.5%	2,721	17
	HNG	Nông nghiệp Quốc tế HAGL	Thực phẩm và đồ uống	HSX	3,950	-2.0%	3.7%	12.9%	-36.6%	4,378	20
	BCG	Bamboo Capital	Dịch vụ tài chính	HSX	9,570	-2.2%	4.8%	9.7%	-53.8%	5,108	132
	TCH	ĐT DV Tài chính Hoàng Huy	Bất động sản	HSX	8,810	-2.3%	0.1%	10.8%	-32.7%	5,889	121
	CRE	Bất động sản Thế Kỷ	Bất động sản	HSX	9,000	-2.7%	11.0%	19.0%	-70.7%	4,173	37

Các mã cổ phiếu in đậm có tên trong danh sách Nhóm cổ phiếu tiêu biểu (trang 3)

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI TRÊN HSX

	Ticker	Tên công ty	Giá cuối ngày (VND)	% ngày	KLGD NN (cổ phiếu)	GTGD NN (tỷ VND)	% sở hữu NN
Mua ròng	VCB	Vietcombank	94,900	1.1%	+661,300	+63	23.5%
	SSI	Chứng khoán SSI	24,100	2.8%	+2,083,500	+50	43.1%
	VCI	Chứng khoán Vietcap	35,000	0.4%	+714,100	+25	24.3%
	CTG	VietinBank	28,650	2.5%	+839,700	+23	27.4%
	KBC	TCT Đô thị Kinh Bắc	28,650	0.5%	+724,300	+21	18.5%
Bán ròng	GMD	Gemadep	51,400	0.8%	-601,500	-31	47.7%
	HCM	Chứng khoán HSC	27,400	0.0%	-1,205,600	-33	46.9%
	STB	Sacombank	28,300	1.1%	-1,345,900	-38	25.5%
	VNM	VINAMILK	65,900	-0.3%	-1,085,900	-72	55.0%
	VPB	VPBank	19,850	2.3%	-4,708,400	-93	17.4%

Giá trị giao dịch ròng (tỷ VND)

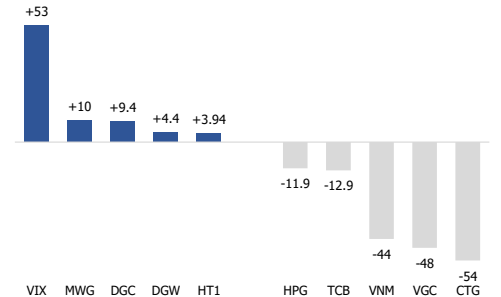


Các mã cổ phiếu in đậm có tên trong danh sách Nhóm cổ phiếu tiêu biểu (trang 3)

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH TỰ DOANH TRÊN HSX

	Ticker	Tên công ty	Giá cuối ngày (VND)	% ngày	KLGD TD (cổ phiếu)	GTGD TD (tỷ VND)
Mua ròng	VIX	Chứng khoán VIX	9,970	2.2%	+5,349,000	+53
	MWG	Thể giới di động	40,800	3.8%	+247,200	+10
	DGC	Hóa chất Đức Giang	56,300	3.1%	+168,000	+9.4
	DGW	Thể Giới Số	37,350	3.2%	+120,300	+4.4
	HT1	VICEM Hà Tiên	15,050	0.3%	+260,000	+3.94
Bán ròng	HPG	Hòa Phát	21,600	1%	-554,987	-11.9
	TCB	Techcombank	32,200	6.3%	-409,100	-12.9
	VNM	VINAMILK	65,900	-0.3%	-670,000	-44
	VGC	Tổng Công ty Viglacera	41,500	0.0%	-1,167,300	-48
	CTG	VietinBank	28,650	2.5%	-1,835,200	-54

Giá trị giao dịch ròng (tỷ VND)

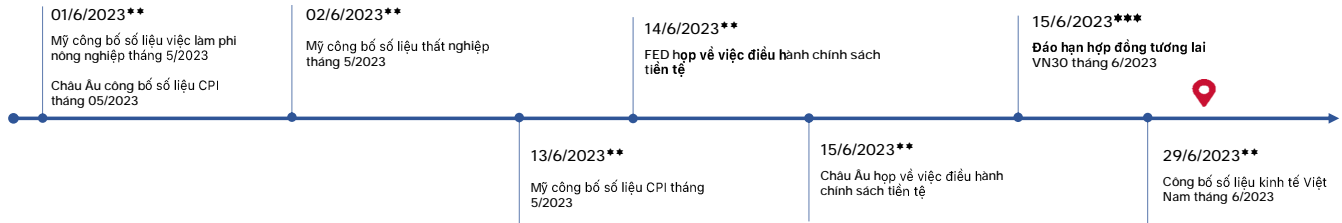


Các mã cổ phiếu in đậm có tên trong danh sách Nhóm cổ phiếu tiêu biểu (trang 3)

PHÂN TÍCH NHÓM CỔ PHIẾU TIÊU BIỂU

Ticker	Ngành ICB cấp II	Giá cuối ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Beta 6m	% ngày	% tháng	% YTD	% Doanh thu LNST (QoQ)	% ROE (TTM)	ROA (TTM)	EPS (TTM)	BVPS	P/E (TTM)	P/B	Tổng tài sản/Vốn CSH	
VCB	Ngân hàng	94,900	449,272	0.8	1.1%	7.2%	14.9%	0.0%	12.9%	23.2%	1.8%	6,533	30,547	14.4	3.1	0.1
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	92,000	176,083	0.7	0.0%	0.0%	-12.4%	-20.5%	-2.3%	24.1%	17.3%	7,689	33,020	12.0	2.8	1.3
SAB	Thực phẩm và đồ uống	158,000	101,349	0.4	-0.1%	-5.2%	-6.5%	-15.0%	-17.4%	20.0%	15.3%	7,829	37,565	20.2	4.2	1.2
FPT	Công nghệ Thông tin	83,800	92,581	0.6	0.4%	6.8%	4.8%	20.1%	20.6%	22.2%	10.4%	5,060	20,521	16.5	4.1	1.9
MBB	Ngân hàng	19,700	89,330	1.3	4.8%	8.2%	9.4%	0.0%	10.5%	23.1%	2.6%	3,961	17,848	4.7	1.1	0.1
PLX	Dầu khí	38,250	48,583	0.9	2.1%	2.1%	16.1%	0.6%	154.7%	6.8%	2.5%	1,464	19,716	25.6	1.9	2.4
HDB	Ngân hàng	19,050	47,907	1.3	2.4%	1.3%	15.5%	0.0%	8.8%	20.8%	1.9%	3,174	15,528	5.9	1.2	0.1
KBC	Bất động sản	28,650	21,986	1.9	0.5%	9.4%	16.0%	221.4%	95.7%	11.2%	6.0%	2,620	22,158	10.9	1.3	1.9
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	51,400	15,493	1.1	0.8%	1.4%	11.7%	2.5%	-26.1%	11.5%	7.4%	3,064	23,627	16.6	2.2	1.6
HT1	Xây dựng và Vật liệu	15,050	5,741	1.0	0.3%	6.4%	36.2%	-13.6%	-446.0%	3.0%	1.6%	396	13,123	37.9	1.1	1.8

SỰ KIỆN ĐẦU TƯ TRONG THÁNG



* Tác động THẤP tới thị trường

** Tác động VỪA PHẢI tới thị trường

*** Tác động CAO tới thị trường

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Báo cáo này được viết và phát hành bởi CTCP Chứng khoán Thiên Việt (TVS). Báo cáo được dựa trên các thông tin được thu thập từ: Bloomberg, Investing, Finpro và các nguồn TVS đánh giá là đáng tin cậy, tuy nhiên TVS không chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Nhận định và quan điểm trong báo cáo thể hiện ý kiến của chuyên viên phân tích tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không đại diện cho quan điểm chung của TVS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo cho nhà đầu tư, không nhằm mục đích chào mời, xúi giục mua hoặc bán bất cứ chứng khoán nào được đề cập. Nhà đầu tư toàn quyền quyết định và tự chịu rủi ro trong việc sử dụng các thông tin và tham khảo các nhận định trên báo cáo. TVS tuyên bố miễn trách đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT – www.tvs.vn

Hà Nội

Tầng 15, tòa nhà Harec
4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
Phone: +84 (24) 7300 6588
Fax: +84 (24) 3248 4821

Hồ Chí Minh

Tầng 9, tòa nhà Bitexco Nam Long
63A Võ Văn Tần, Quận 3, Hồ Chí Minh
Phone: +84 (28) 7300 6588
Fax: +84 (28) 299 2088

THÔNG TIN LIÊN HỆ

BỘ PHẬN NGHIÊN CỨU

Vương Chí Tâm, CFA, FRM

P. Giám đốc phân tích
tamvc@tvs.vn

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Chuyên viên cao cấp
hanhntk@tvs.vn

Tiêu Phan Thanh Quang

Chuyên viên
quangtp@tvs.vn

Đình Mạnh Thắng

Chuyên viên cao cấp
thangdm@tvs.vn

Phạm Nguyên Long

Chuyên viên cao cấp
longpn@tvs.vn

Nguyễn Đức Anh

Chuyên viên
anhnd@tvs.vn

BỘ PHẬN MÔI GIỚI

brokerage.hcm@tvs.vn

brokerage.hn@tvs.vn